-- Create the main table: HuyHNNUserSmokingLogs CREATE TABLE HuyHNNUserSmokingLogs ( log\_id SERIAL PRIMARY KEY, user\_id INT NOT NULL, log\_date TIMESTAMP NOT NULL, -- datetime cigarettes\_smoked INT NOT NULL, -- number cost\_per\_cigarette DECIMAL(6, 2), -- number total\_cost DECIMAL(10, 2), -- number craving\_intensity INT CHECK (craving\_intensity BETWEEN 1 AND 10), -- number notes TEXT, -- text is\_smoke\_free\_day BIT DEFAULT 0, -- bit health\_impact\_score INT, -- number mood\_during\_day VARCHAR(50), -- text location\_of\_smoking VARCHAR(100), -- text trigger\_description TEXT, -- text created\_at TIMESTAMP DEFAULT CURRENT\_TIMESTAMP -- datetime );

====================================================  
-- Create the reference table: HuyHNNNotifications with 10+ meaningful fields

CREATE TABLE HuyHNNNotifications (

notification\_id SERIAL PRIMARY KEY,

log\_id INT REFERENCES HuyHNNUserSmokingLogs(log\_id),

user\_id INT NOT NULL,

message TEXT NOT NULL, -- text (nội dung thông báo)

notification\_type VARCHAR(50) NOT NULL, -- text (loại thông báo: động viên, nhắc nhở, cảnh báo)

sent\_at TIMESTAMP DEFAULT CURRENT\_TIMESTAMP, -- datetime (thời gian gửi)

is\_read BIT DEFAULT 0, -- bit (đã đọc hay chưa)

motivation\_quote VARCHAR(255), -- text (câu trích dẫn động viên)

related\_goal VARCHAR(100), -- text (mục tiêu liên quan, ví dụ: "Giảm 2 điếu/ngày")

trigger\_event VARCHAR(50), -- text (sự kiện kích hoạt thông báo, ví dụ: "Ngày không hút")

days\_smoke\_free\_at\_send INT, -- number (số ngày không hút tại thời điểm gửi)

money\_saved\_at\_send DECIMAL(10, 2), -- number (tiền tiết kiệm tại thời điểm gửi)

next\_milestone VARCHAR(100), -- text (cột mốc tiếp theo, ví dụ: "7 ngày không hút")

created\_at TIMESTAMP DEFAULT CURRENT\_TIMESTAMP -- datetime (thời gian tạo)

);

-- Indexes for performance optimization

CREATE INDEX idx\_huyhnn\_notifications\_log\_id ON HuyHNNNotifications(log\_id, sent\_at);